

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2025

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi, Bà Đoàn Thị Chuyên.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 13- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 25/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1987.

Số CCCD: 030187005126

Nơi thường trú: Thôn H Bình, xã C, huyện T, tỉnh D (Nay là thôn H Bình, xã T, thành phố Hải Phòng).

Chỗ ở: thôn G, xã T, thành phố Hải Phòng.

- **Bị đơn:** Anh Trần Đăng C, sinh năm 1981;

Số CCCD: 030081005016

Nơi thường trú: Thôn H Bình, xã C, huyện T, tỉnh D (Nay là thôn H Bình, xã T, thành phố Hải Phòng).

(Hiện anh C đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, không rõ địa chỉ).

(Chị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc với Toà án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đăng C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh D (nay là UBND xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 12/12/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình chồng, vui vẻ H thuận đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về suy nghĩ, quan điểm, lối sống. Vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Gia đình hai bên H giải, khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả. Đầu năm 2022, anh C đi lao động tại Đài Loan, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, anh C không gửi tiền về cho chị nuôi con và trả nợ. Chị đưa các con về nhà mẹ đẻ ở, không sống tại gia đình chồng nữa. Anh C cũng bỏ mặc chị, không nhắn tin gọi điện hay liên lạc bảo chị quay về. Chị không biết địa chỉ cụ thể nơi ở và làm việc của anh C, chỉ biết anh C đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đăng C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung là Trần Lê Kiều Trinh- sinh ngày 15/9/2006, Trần Đăng Vương- sinh ngày 06/02/2008 và Trần Đăng Khoa- sinh ngày 08/5/2013. Hiện cháu Trinh đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nuôi con. Cháu Vương và cháu Khoa đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Đăng C hiện đang làm việc và sinh sống ở nước ngoài (Đài Loan). Toà án đã tiến hành cấp, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Toà án cho anh theo quy định pháp luật và thông qua người thân gia đình anh. Ông Trần Đăng Hoá là anh trai của anh Trần Đăng C trình bày: Ông là anh trai của anh Trần Đăng C, bố mẹ ông đã mất. Anh C và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh C chị H chung sống H thuận đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông chỉ thấy vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Còn nguyên nhân cụ thể là gì ông không rõ. Năm 2022, anh C đi Đài Loan lao động và thường xuyên liên lạc về gia đình. Chị H đã đưa các con về nhà ngoại ở, không sống ở nhà chồng nữa. Nay chị H đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với anh C, ông không có ý kiến gì. Các văn bản của Toà án gửi về, ông đều đã thông báo cho anh C biết và anh C có quan điểm là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật, anh C không về được. Gia đình ông không biết rõ cụ thể địa chỉ nơi ở và làm việc của anh C, chỉ biết là ở Đài Loan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- Hải Phòng phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, Đề nghị Tòa án xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trần Đăng C.

- Về con chung: Giao hai con chung Trần Đăng Vương- sinh ngày 06/02/2008 và Trần Đăng Khoa- sinh ngày 08/5/2013 cho chị Lê Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con chung. Anh Trần Đăng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0002258 ngày 23/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 13- Hải Phòng giải quyết ly hôn với anh Trần Đăng C, đăng ký thường trú tại thôn H Bình, xã T, thành phố Hải Phòng. Theo thông tin xuất nhập cảnh của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an thành phố Hải Phòng cung cấp, anh Trần Đăng C xuất cảnh ra nước ngoài bằng hộ chiếu số K0091140, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, **Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- Hải Phòng.** Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Đăng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh D (nay là UBND xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 12/12/2005, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập, có căn cứ xác định: Quá trình chung sống, chị H anh C đã xảy ra mâu thuẫn từ thời điểm trước khi anh C đi sang Đài Loan làm việc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về suy nghĩ, lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tin tưởng nhau về làm ăn kinh tế dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 3/2022 đến nay, không quan tâm nhau, không cùng nhau vun đắp xây dựng cuộc sống gia đình, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có ba con chung là Trần Lê Kiều Trinh- sinh ngày 15/9/2006, Trần Đăng Vương- sinh ngày 06/02/2008 và Trần Đăng Khoa- sinh ngày 08/5/2013. Hiện cháu Trinh đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nuôi con. Cháu Vương và cháu Khoa đang ở cùng với chị. Hai cháu đều có nguyện vọng xin ở với mẹ. Chị H xin được tiếp tục nuôi hai con chung Trần Đăng Vương và Trần Đăng Khoa và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện nuôi con của chị H thì thấy: chị hiện đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng hơn 10.000.000 đồng, có nơi ở ổn định. Hiện nay anh C đang làm việc ở nước ngoài vẫn chưa về nước. Do vậy, để đảm bảo cho các con chung có môi trường sống và học tập ổn định, HĐXX giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Trần Đăng Vương và Trần Đăng Khoa đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con chung là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trần Đăng C.

2. Về con chung: Giao hai con chung Trần Đăng Vương- sinh ngày 06/02/2008 và Trần Đăng Khoa- sinh ngày 08/5/2013 cho chị Lê Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh Trần Đăng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0002258 ngày 23/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 13- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã C (nay là UBND xã T, thành phố Hải Phòng) (Giấy CNKH số 33 ngày 12/12/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhân